

Bản án số: 77/2023/DS-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **TRẦN HƯƠNG LINH** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81B/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Dương Văn P**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của ông P (văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 29/3/2023) (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 27/9/2022, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai tại Tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Do bà T cần tiền làm ăn, vào ngày 11/10/2018 âm lịch, ông P có cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm (từ ngày 11/10/2018 âm lịch đến ngày 11/01/2019 âm lịch). Bà T có viết biên nhận cho ông P làm tin.

Từ ngày vay đến nay, bà T không có đóng lãi, ngày 22/10/2019 bà T có trả vốn được 28.000.000 đồng, còn nợ lại 72.000.000 đồng.

Ông P yêu cầu bà T phải trả số tiền 72.000.000 đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực; Yêu cầu tính lãi suất phát sinh với mức 1,5%/tháng từ ngày 11/10/2018 âm lịch đến ngày xét xử.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông P cho rằng:

Trong số tiền 100.000.000 đồng mà bà T đã vay của vợ chồng ông thì bà T đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T còn nợ tiền hội 21.000.000 đồng.

Ông yêu cầu bà T phải trả cho vợ chồng ông tổng cộng số tiền 71.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 21.000.000 đồng tiền hội, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

Tại Tòa, ông P rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T phải trả tổng cộng số tiền 70.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền vay, 20.000.000 đồng tiền hội, không yêu cầu bà T phải trả số tiền hội 1.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2023, 10/4/2023 và lời khai tại Tòa, bị đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà thống nhất trả số tiền 71.000.000 đồng cho ông P, bà L gồm 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 21.000.000 đồng tiền nợ hội nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến hết nợ, đồng ý việc ông P, bà L không yêu cầu tính lãi suất phát sinh trên số tiền vay.

Sau đó, bà T lại đưa ra ý kiến như sau:

Bà không còn thiếu tiền nợ hội gì ông P, bà L, bà có chơi 01 dây hội do bà L làm đầu thảo, bà hốt hội rồi và có đóng hội chết đầy đủ, mặc dù đóng trễ nhưng cũng đủ. Dây hội khui thời gian nào, số tiền bao nhiêu, bà tham gia mấy phần không nhớ rõ. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng tiền vay, không đồng ý trả số tiền 21.000.000 đồng nợ hội.

Theo đơn yêu cầu độc lập; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/3/2023, 05/5/2023 và lời khai tại Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà thống nhất với nội dung trình bày của chồng bà là ông Dương Văn P.

Yêu cầu bà T phải trả cho vợ chồng bà tổng cộng số tiền 71.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 21.000.000 đồng tiền hội, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

Tại Tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T phải trả tổng cộng số tiền 70.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền vay, 20.000.000 đồng tiền hội, không yêu cầu bà T phải trả số tiền hội 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên; Bị đơn có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, buộc bà T trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và số tiền nợ hội 20.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền nợ hội 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Dương Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Tại Tòa, ông P đã tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng như ông P, bà L rút một phần yêu cầu cụ thể như đã nêu tại phần nội dung vụ án. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu đã rút như trên.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông P và yêu cầu độc lập của bà L là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại Tòa, bà T đưa ra lời khai nại chỉ đồng ý trả tiền vay, không đồng ý trả tiền hui vì sau khi hốt hui, bà đã đóng đủ hui chết nhưng hoàn toàn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thuyết phục để chứng minh để cho rằng bà đã đóng hui chết đầy đủ. Trong khi, tại quá trình giải quyết vụ án, lời khai ban đầu của bà đã xác định bản thân có thiếu và thống nhất trả cho vợ chồng ông P, bà L 50.000.000 đồng tiền vay cùng 21.000.000 đồng tiền hui nhưng chỉ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến hết nợ, hoàn toàn không có ý kiến gì khác. Đồng thời, ông P, bà L khẳng định bà T tham gia một dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 19/02/2018 âm lịch, có 17 hui viên, 03 tháng khai 01 lần, bà T vô một phần, hốt hui ngày 15/8/2018 âm lịch số tiền 47.500.000 đồng (kỳ hui thứ ba). Sau khi hốt hui, bà T đóng được 15 kỳ còn nợ lại 04 kỳ, số tiền hui đúng thực tế mà bà T còn nợ là 20.000.000 đồng.

Từ đó, Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, yêu cầu độc lập của bà L buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho ông P, bà L số tiền vốn vay còn thiếu là 50.000.000 đồng và tiền hui là 20.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T có đơn xin miễn tiền án phí do người cao tuổi nên căn cứ theo quy định pháp luật thì bà T được miễn án phí phải nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn P.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc bà Dương Thị T phải chịu trách nhiệm trả cho ông Dương Văn P, bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền vốn vay còn thiếu là 50.000.000 đồng và tiền hui là 20.000.000 đồng. Tổng cộng 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông P, bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của ông P, bà L là yêu cầu bà T trả số tiền hui 1.000.000 đồng.

Về án phí: Bà T được miễn án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Hoàn lại cho ông P số tiền 3.342.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0011090 ngày 13/3/2023 và biên lai số 0011199 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn lại cho bà L số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0011200 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

